

Số: 128 /TCBC-STP

Cà Mau, ngày 15 tháng 9 năm 2026

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

Văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành
(Quyết định số 182/2026/QĐ-UBND ngày 04/9/2026)

Thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”. Sở Tư pháp ra Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành như sau:

1. Văn bản quy phạm pháp luật được ban hành: Quyết định số 182/2026/QĐ-UBND ngày 04/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về tiêu chí phân loại ấp, khóm trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Hiệu lực thi hành: Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/9/2026. Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 02/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy định tiêu chí phân loại ấp, khóm trên địa bàn tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) *Sự cần thiết:* Thực hiện Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành quy định cụ thể tiêu chí phân loại ấp, khóm trên địa bàn tỉnh Cà Mau là cần thiết.

b) *Mục đích:* Xác lập tiêu chí và cách phân loại ấp, khóm bảo đảm thống nhất, khoa học, khách quan, công khai, minh bạch; phản ánh quy mô dân cư, diện tích tự nhiên, các yếu tố đặc thù và mức độ thuận lợi, khó khăn trong quản lý, tổ chức hoạt động của từng ấp, khóm.

4. Nội dung chủ yếu: Quy định tiêu chí phân loại ấp, khóm trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

4.1. Nguyên tắc phân loại ấp, khóm

- Bảo đảm thống nhất, khoa học, khách quan, công khai, minh bạch và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Phản ánh quy mô dân cư, tính chất công việc và mức độ thuận lợi, khó khăn trong quản lý, tổ chức hoạt động của từng ấp, khóm.

- Việc xác định, chấm điểm các tiêu chí phải căn cứ vào số liệu, tài liệu hợp pháp tại cùng một thời điểm và chịu sự kiểm tra, thẩm định của cơ quan có thẩm quyền.

4.2. Tiêu chí, cơ cấu thang điểm và phương pháp xác định tiêu chí phân loại ấp, khóm

a) Tiêu chí: Số hộ gia đình; diện tích tự nhiên; các yếu tố đặc thù.

b) Cơ cấu thang điểm

- Tiêu chí số hộ gia đình: 45 điểm;

- Tiêu chí diện tích tự nhiên: 45 điểm;

- Tiêu chí các yếu tố đặc thù: 10 điểm.

c) Phương pháp xác định tiêu chí

- Số liệu đánh giá các tiêu chí phân loại ấp, khóm được tính đến ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm gửi hồ sơ đề nghị phân loại. Trường hợp ấp, khóm được thành lập, sắp xếp, tổ chức lại sau thời điểm này thì sử dụng số liệu tại thời điểm lập hồ sơ đề nghị phân loại;

- Số hộ gia đình được xác định trên cơ sở dữ liệu dân cư, số liệu thống kê hoặc số liệu do cơ quan có thẩm quyền cung cấp, xác nhận;

- Diện tích tự nhiên của ấp, khóm được xác định trên cơ sở hồ sơ thành lập, sắp xếp, tổ chức lại ấp, khóm; hồ sơ, bản đồ, số liệu về đất đai hoặc số liệu do cơ quan có thẩm quyền cung cấp, xác nhận;

- Các yếu tố đặc thù được xác định theo quy định tại khoản 5 Điều 6 của Quyết định số 182/2026/QĐ-UBND;

- Trường hợp số điểm của một tiêu chí có phần thập phân thì làm tròn đến hai chữ số thập phân để tính tổng điểm phân loại.

d) Cách tính điểm tiêu chí số hộ gia đình và diện tích tự nhiên đối với ấp

- Số hộ gia đình từ 400 hộ trở xuống được tính 30 điểm; trên 400 hộ thì cứ thêm 10 hộ được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 45 điểm.

- Diện tích tự nhiên từ 10 km² trở xuống được tính 30 điểm; trên 10 km² thì cứ thêm 0,4 km² được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 45 điểm.

4.3. Cách tính điểm tiêu chí số hộ gia đình và diện tích tự nhiên đối với khóm

a) Số hộ gia đình từ 550 hộ trở xuống được tính 30 điểm; trên 550 hộ thì cứ thêm 15 hộ được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 45 điểm.

b) Diện tích tự nhiên từ 4 km² trở xuống được tính 30 điểm; trên 4 km² thì cứ thêm 0,2 km² được tính thêm 0,5 điểm, nhưng tối đa không quá 45 điểm.

4.4. Cách tính điểm tiêu chí các yếu tố đặc thù

a) Ấp, khóm có từ 20% đến 30% số hộ gia đình là người dân tộc thiểu số được tính 02 điểm; trên 30% thì cứ thêm 5% được tính thêm 0,25 điểm, nhưng tối đa không quá 03 điểm.

b) Ấp, khóm thuộc xã, phường khu vực biên giới biển hoặc ấp, khóm đặc biệt khó khăn được tính 03 điểm.

c) Ấp, khóm thuộc xã, phường trọng điểm về quốc phòng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền được tính 02 điểm.

d) Ấp, khóm có di tích đã được cơ quan có thẩm quyền xếp hạng cấp tỉnh trở lên được tính 02 điểm.

đ) Căn cứ xác định các yếu tố đặc thù

- Tỷ lệ hộ gia đình là người dân tộc thiểu số được xác định theo cơ sở dữ liệu dân cư, số liệu thống kê hoặc văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền tại thời điểm lập hồ sơ đề nghị phân loại;

- Ấp, khóm thuộc xã, phường khu vực biên giới biển; ấp, khóm đặc biệt khó khăn được xác định theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền còn hiệu lực tại thời điểm lập hồ sơ đề nghị phân loại;

- Ấp, khóm thuộc xã, phường trọng điểm về quốc phòng được xác định theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền còn hiệu lực tại thời điểm lập hồ sơ đề nghị phân loại;

- Di tích được xác định theo quyết định xếp hạng di tích của cơ quan có thẩm quyền còn hiệu lực tại thời điểm lập hồ sơ đề nghị phân loại.

4.5. Khung điểm phân loại ấp, khóm

- Điểm phân loại ấp, khóm là tổng số điểm đạt được của các tiêu chí về số hộ gia đình, diện tích tự nhiên và các yếu tố đặc thù. Tổng số điểm tối đa là 100 điểm.

- Ấp, khóm loại I có tổng số điểm từ 75 điểm trở lên.

- Ấp, khóm loại II có tổng số điểm từ 60 điểm đến dưới 75 điểm.

- Ấp, khóm loại III có tổng số điểm dưới 60 điểm.

4.6. Thẩm quyền, hồ sơ, trình tự phân loại ấp, khóm

a) Thẩm quyền quyết định phân loại ấp, khóm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân loại ấp, khóm trên địa bàn tỉnh.

b) Hồ sơ đề nghị phân loại ấp, khóm

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị phân loại ấp, khóm.

- Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá và đề nghị phân loại ấp, khóm, gồm các nội dung: sự cần thiết và căn cứ pháp lý; khái quát quá trình hình thành, sắp xếp, tổ chức lại ấp, khóm (nếu có); thuyết minh, đánh giá hiện trạng và kết quả xác định, chấm điểm từng tiêu chí phân loại đối với từng ấp, khóm; kết luận và kiến nghị.

- Bảng thống kê số liệu các tiêu chí và kết quả chấm điểm phân loại của từng ấp, khóm.

- Các văn bản, tài liệu làm căn cứ xác định số liệu về số hộ gia đình, diện tích tự nhiên và các yếu tố đặc thù theo quy định tại khoản 3 Điều 3 và khoản 5 Điều 6 của Quyết định số 182/2026/QĐ-UBND.

c) Trình tự phân loại ấp, khóm

- Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo bộ phận chuyên môn rà soát, thu thập, kiểm tra số liệu, đánh giá, chấm điểm các tiêu chí phân loại theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 và Điều 6 và lập hồ sơ theo quy định tại Điều 9 của Quyết định số 182/2026/QĐ-UBND, gửi Sở Nội vụ thẩm định.

- Sở Nội vụ tổ chức thẩm định hồ sơ. Trường hợp cần thiết, Sở Nội vụ tổ chức khảo sát thực tế, lấy ý kiến cơ quan, đơn vị có liên quan hoặc đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để làm rõ số liệu, tiêu chí phân loại.

- Căn cứ kết quả thẩm định, Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phân loại ấp, khóm.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phân loại ấp, khóm.

d) Điều chỉnh phân loại ấp, khóm

- Ấp, khóm sau khi thành lập, sắp xếp, tổ chức lại mà có thay đổi về phạm vi quản lý, số hộ gia đình, diện tích tự nhiên hoặc các yếu tố đặc thù thì thực hiện phân loại theo Quyết định này.

- Trường hợp đổi tên ấp, khóm mà không thay đổi phạm vi quản lý, số hộ gia đình, diện tích tự nhiên và các yếu tố đặc thù thì tiếp tục áp dụng loại ấp, khóm đã được quyết định trước khi đổi tên, không phải thực hiện phân loại lại.

- Trường hợp ấp, khóm có biến động về số hộ gia đình, diện tích tự nhiên hoặc các yếu tố đặc thù làm thay đổi loại ấp, khóm thì thực hiện phân loại lại theo Quyết định này.

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành, Sở Tư pháp xin thông báo (gửi kèm Quyết định số 182/2026/QĐ-UBND)/.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- UBNDTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- Báo và Phát thanh - Truyền hình tỉnh Cà Mau;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Trang Thông tin PBGDPL tỉnh (để đăng tải);
- Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp (để đăng tải);
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, PBGDPL.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Ngọc